

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

V/v: Kết quả kinh doanh năm 2024, kế hoạch kinh doanh năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Logistics Hàng không (ĐHĐCĐ)

Tổng Giám đốc xin báo cáo HĐQT kết quả kinh doanh năm 2024, kế hoạch kinh doanh năm 2025 như sau:

I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

1. Tổng quan về tình hình thị trường

1.1. Thuận lợi

- GDP Việt Nam Năm 2024 tăng trưởng 7,09%, quy mô GDP nền kinh tế khoảng 476 tỉ USD, mức tăng trưởng này của Việt Nam cao hơn nhiều quốc gia trong khu vực ASEAN và Trung Quốc, cao hơn mức tăng trưởng 5,05% trong 2023.
- Điểm sáng tiếp tục đến từ dòng vốn FDI đầu tư vào Việt Nam, trong đó là các doanh nghiệp high-tech, mở ra cơ hội phục vụ chuỗi dịch vụ cho hàng giá trị cao qua đường hàng không và đường bộ xuyên biên giới (CBT) mạnh mẽ. Thực tế, vốn FDI đầu tư vào Việt Nam năm 2024 đạt 38,23 tỷ USD, vốn giải ngân đạt 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm trước.
- Xuất hiện các cơ hội hợp tác với đối tác lớn để phát triển hạ tầng logistics phục vụ nhu cầu ngày càng tăng mạnh trong thời gian tới.

1.2. Khó khăn

- Năm 2024 nền kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với chính sách tài chính thắt chặt, suy thoái kinh tế, suy giảm sức tiêu dùng. Xung đột địa chính trị, kinh tế quốc tế gây nhiều biến động và xáo trộn ảnh hưởng tới hoạt động Logistics toàn cầu, trong đó có Việt Nam.
- Xuất hiện một số dự án ảnh hưởng lớn tới hoạt động Logistics tại khu vực phía Bắc như Dự án tuyến đường sắt liên vận, Sân bay Gia Bình, Công viên Logistics Viettel, đòi hỏi sự tính toán và điều chỉnh các hoạt động đầu tư dự kiến của ALS trong 2024.



2. Kết quả kinh doanh 2024

2.1. Kết quả kinh doanh và các chỉ tiêu tài chính

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024			
			Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH/KH (%)	So cùng kỳ 2023 (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(4)	(7)
ALS - HỢP NHẤT						
1	TỔNG DOANH THU	1000 đ	1,460,315,958	1,773,400,161	121%	123%
2	TỔNG CHI PHÍ	1000 đ	1,042,313,475	1,184,589,856	114%	121%
3	LNTT	1000 đ	418,002,483	588,810,305	141%	129%
4	LNST	1000 đ	374,738,763	523,176,361	140%	129%
ALS RIÊNG						
1	TỔNG DOANH THU	1000 đ	286,648,772	299,987,347	105%	100%
2	TỔNG CHI PHÍ	1000 đ	88,659,238	83,654,159	94%	92%
3	LNTT	1000 đ	197,989,534	216,333,189	109%	104%
4	LNST	1000 đ	197,989,534	214,663,424	108%	105%
5	VỐN ĐIỀU LỆ	1000 đ	1,102,724,546	1,102,723,680	100%	110%

(Số liệu theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán quốc tế)

Chỉ tiêu tài chính	BCTC hợp nhất	
	Năm 2023	Năm 2024
1. Khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	5,72	5,74
Hệ số thanh toán nhanh (tài sản ngắn hạn – hàng tồn kho)/ nợ ngắn hạn)	5,72	5,74
2. Cơ cấu vốn		
Hệ số nợ/tổng tài sản	0,10	0,10
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	0,11	0,11
3. Năng lực hoạt động		
Doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân	0,50	0,59
4. Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động KD/doanh thu	0,28	0,31

Chỉ tiêu tài chính	BCTC hợp nhất	
	Năm 2023	Năm 2024
thuần		
Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu bình quân	0,16	0,20
Lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản bình quân	0,15	0,18

- Các chỉ số về khả năng thanh toán trong báo cáo hợp nhất của công ty giảm so với cùng kỳ tuy nhiên vẫn ở mức cao, đảm bảo an toàn tài chính.
- Các chỉ số khả năng sinh lời tăng so với cùng kỳ do năm 2023 do tình hình kinh doanh có dấu hiệu hồi phục, các mặt hàng linh kiện điện tử, may mặc dần hồi phục nửa cuối năm 2024.

2.2. Tình hình thực hiện hoạt động đầu tư

Tổng hợp giá trị đầu tư của ALS tính tới 31/12/2024:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện đến 31.12.2024	Tỉ lệ TH/KH (%)
1	Đầu tư góp vốn	1000.đ	20,040	-	
2	M&A	1000.đ	-	-	
3	Dự án chuyển tiếp	1000.đ	53,970	12,982	
4	Dự án mới	1000.đ	283,150	-	-
5	Đầu tư tài sản	1000.đ	2,000	2,220	
	Tổng	1000.đ	359,160	15,202	4.2%

- Dự án đầu tư góp vốn của ALS đang trong quá trình thực hiện, mặc dù có một số biến động do bất ổn về quan hệ chính trị và thương mại quốc tế, tuy nhiên dự kiến vẫn sẽ được tiếp tục triển khai và chuyển tiếp sang 2025.
- Việc Đầu tư dự án mới đã lên kế hoạch nghiên cứu 1 số dự án, tuy nhiên, với sự xuất hiện các dự án có quy mô có thể định hình lại phương thức, tuyến logistics tại phía Bắc nên một số dự án đang trong quá trình xem xét lựa chọn đầu tư cần phải đánh giá và điều chỉnh lại cho phù hợp. Công ty cũng đã ký Thỏa thuận quan trọng với đối tác Capitaland để cùng hợp tác phát triển các dự án logistics trong thời gian tới.

2.3. Tình hình thực hiện công tác quản trị nguồn nhân lực

Áp dụng và cải tiến công cụ quản trị Văn phòng E-Office. Sửa đổi và ban hành các Quy chế, quy định đáp ứng yêu cầu quản trị và điều hành (Quy chế quản lý điều hành, Quy định quản lý vốn,...).

2.4. Tình hình phát triển CNTT

Thực hiện triển khai các dự án CNTT theo đúng tinh thần nghị quyết của HĐQT. Nghiên cứu triển khai các ứng dụng CNTT phục vụ kinh doanh khai thác và công

tác quản trị doanh nghiệp. Quản lý khai thác hệ thống dữ liệu và hệ thống báo cáo BI. Đảm bảo an ninh, an toàn bảo mật cơ sở dữ liệu.

2.5. Truyền thông nội bộ và văn hóa doanh nghiệp

Triển khai đầy mạnh các hoạt động truyền thông, sự kiện nội bộ (hoạt động thể thao, du lịch, ngày truyền thống). Các hoạt động tự nguyện được thực hiện tích cực đều đặn góp phần vì mục đích chung của địa bàn và thành phố.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

1. Tổng quan về tình hình thị trường

1.1 Thuận lợi

- Năm 2025, khối lượng thương mại hàng hóa thế giới đạt 3,3% năm 2025 (theo WTO), cao hơn con số dự kiến 2,6% của năm 2024. Tiếp đà phát triển của 2024, Việt Nam nâng mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 lên ít nhất 8%.
- Việt Nam vẫn đang là địa điểm thu hút mạnh mẽ nguồn FDI, cùng với nhiều dự án đã giải ngân và đi vào hoạt động sẽ giúp cho lĩnh vực Logistics Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ.
- Ngành thương mại điện tử (TMĐT) sẽ vẫn là động lực lớn cho vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không, Việt Nam đang là quốc gia có tỷ lệ người dân mua sắm TMĐT cao nhất Đông Nam Á (khoảng 43,9 triệu người).
- Đối với các sản phẩm điện thoại và linh kiện, theo nhiều nghiên cứu, sản lượng cung ứng điện thoại ra thị trường vẫn sẽ tiếp tục duy trì đà tăng trong các năm tới.

1.2 Khó khăn

- Năm 2025 là năm đầy biến động và khó dự báo. Xung đột chính trị, kinh tế, chiến tranh thương mại toàn cầu đang diễn ra ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế Việt Nam, lĩnh vực Logistics và hệ thống ALS.
- Đặc biệt các chính sách thuế đối ứng rất cao của Mỹ dự kiến áp lên Việt Nam hay chiến tranh thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc tạo ra sự bất ổn lớn, có khả năng làm chậm thu hút và giải ngân nguồn FDI cũng việc giảm tỷ trọng sản xuất tại Việt Nam để phân tán rủi ro ở các doanh nghiệp FDI truyền thống. Tất cả những nội dung trên đều tác động tiêu cực tới môi trường kinh doanh nói chung và hoạt động của hệ thống ALS nói riêng. Mức độ tác động rất khó đoán về quy mô và thời gian.
- Các dự án logistics lớn đã nêu trong báo cáo 2024 đang trong quá trình triển khai gây áp lực lên hoạt động kinh doanh của hệ thống ALS. Hiện tại, hệ thống ALS đã chủ động bám sát thông tin và đang thực hiện các kế hoạch để thích ứng với sự thay đổi này.

2. Định hướng kinh doanh 2025

2.1 Định hướng về lĩnh vực kinh doanh của ALS

- Về hoạt động điều hành: bám sát các biến động của môi trường kinh doanh để điều hành, bám sát và xây dựng các kịch bản điều hành cho các dự báo biến động, đảm bảo quản trị chi phí tối ưu.

- Về hoạt động phát triển kinh doanh: rà soát, đánh giá lại định hướng chiến lược trong bối cảnh kinh doanh mới và triển khai các hoạt động phù hợp với định hướng. Trong năm 2025, các lĩnh vực được tập trung để tối ưu chi phí và lợi nhuận gồm các lĩnh vực nhà Ga hàng hóa/khu trung chuyển hàng hóa tại cửa khẩu, kho hàng không kéo dài, khu chuyển phát nhanh. Các lĩnh vực để giúp cho mở rộng sản xuất kinh doanh gồm phát triển các dự án hạ tầng logistics phục vụ xuất/nhập khẩu quốc tế, vận tải xuyên biên giới. Nghiên cứu và triển khai các dịch vụ gia tăng để hoàn thiện chuỗi logistics hiện hữu, nếu có hiệu quả kinh doanh, sẽ được xem xét trong từng trường hợp cụ thể.

2.2 Định hướng các hoạt động chức năng

2.2.1. Thực thi chiến lược sử dụng CNTT trở thành đòn bẩy cho sự phát triển và năng lực cạnh tranh của toàn hệ thống ALS.

- Nghiên cứu xây dựng chiến lược CNTT của ALS phù hợp với chiến lược của ALS.
- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền và đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi số.
- CNTT hướng tới tối ưu hóa, trải nghiệm khách hàng trên nền tảng công nghệ (kết nối, chia sẻ, liền mạch, tích hợp, tự động hóa, thấu hiểu nhu cầu/ thông minh – AI ...).
- Tận dụng nguồn lực phát triển hệ thống CNTT liên kết các sản phẩm dịch vụ trong hệ thống đưa ra giải pháp toàn diện theo chuỗi giá trị gia tăng của vận chuyển hàng hóa.

2.2.2. Đối với công tác quản trị, nhân sự:

- Khai thác hiệu quả hệ thống ERP, phần mềm E – Office, hệ thống BSC - KPI trên toàn hệ thống ALS.
- Ứng dụng hệ thống báo cáo thông minh (BI) vào hoạt động quản trị/điều hành.
- Xây dựng văn hóa học tập, triển khai chương trình đào tạo, phát triển kỹ năng cho hệ thống, thực thi giá trị cốt lõi “Hiệu quả - Cam kết – Đổi mới”.
- Thúc đẩy việc học tập, đào tạo, đặc biệt từ bên trong hệ thống thông qua chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm giữa các ALS, tạo môi trường cởi mở và gắn kết chung.
- Triển khai các hoạt động kiểm soát nội bộ và các nội dung khác theo định hướng công ty đại chúng nghiêm ngặt.

2.2.3. Đối với công tác tài chính, đầu tư:

- Chủ động tìm kiếm các cơ hội đầu tư theo định hướng phục vụ hoạt động logistics, xây dựng và sử dụng các công cụ, đòn bẩy tài chính hiệu quả để phục vụ cho nhu cầu đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh của toàn hệ thống.
- Tuân thủ và thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo, nhập liệu của công ty, hệ thống và các quy định hiện hành.
- Triển khai và phối hợp triển khai tốc độ các dự án đầu tư hiện hữu, giám sát hiệu quả



chi phí đầu tư dự án.

2.2.4. Hoạt động marketing và phát triển thương hiệu:

- Tiếp tục duy trì các hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu, sản phẩm, dịch vụ hiệu quả tới các khách hàng tiềm năng trên thị trường và đang quan tâm tới thị trường.

2.2.5. Hoạt động kiểm soát nội bộ

- Xây dựng quy chế, quy định theo hướng tinh gọn. Tin học hóa các quy trình công việc lên trên hệ thống phần mềm quản lý.

3. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2025

Đơn vị tính: 1.000 đ

STT	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu ALS riêng		Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu HỢP NHẤT		Tỷ lệ (%)
		Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	
1	Tổng doanh thu	299,987,347	299,749,822	100%	1,773,400,161	1,852,272,799	104%
2	Tổng chi phí	83,654,159	85,268,426	102%	1,184,589,856	1,219,979,160	103%
3	LNTT	216,333,189	214,481,396	99%	588,810,305	632,293,638	107%
4	LNST	214,663,424	214,481,396	100%	523,176,361	575,414,111	110%
5	Vốn điều lệ	1,102,723,680	1,102,723,680	100%	1,102,723,680	1,102,723,680	100%
6	Tỷ lệ chi trả cổ tức	25% (bằng tiền)	Khoảng 15%				
7	Ngân sách đầu tư	15,202,289	396,214,107	2,605%			

Trên đây là Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty.

Kính trình đại hội xem xét thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;

TỔNG GIÁM ĐỐC


Trương Vĩnh Hùng